



TP.TỔ CHỨC-HÀNH CHÍNH

SÁO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Nguyễn Xuân Anh

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Báo cáo Tài chính cho năm tài chính
kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	4
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	6
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	7
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

1. Thông tin về Công ty

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0032000066 ngày 8 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Công ty được chuyển đổi từ công ty TNHH Cavico Việt Nam Xây dựng Cầu Hàm được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 011043000144 ngày 8 tháng 6 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh

Thay đổi lần 1 ngày 8 tháng 4 năm 2008

Thay đổi lần 2 ngày 3 tháng 11 năm 2008

Thay đổi lần 3 ngày 20 tháng 8 năm 2009

Nội dung điều chỉnh

Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập

Thay đổi người đại diện theo pháp luật

Thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật

Vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư cùng là 70 tỷ đồng.

1.2. Địa chỉ Công ty

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại toà nhà CT4, Khu đô thị mới Mỹ Đình - Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

1.3. Lĩnh vực và hoạt động kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy điện, thủy lợi;
- Dịch vụ xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV.

Trong năm 2009, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy điện.

1.4. Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 714 nhân viên (2008: 643 nhân viên).

2. Báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kèm theo báo cáo này.

3. Đơn vị kiểm toán

Đơn vị kiểm toán, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A - Chi nhánh Hà Nội, đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, sẵn sàng chấp thuận được tiếp tục chỉ định là đơn vị kiểm toán của Công ty.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Báo cáo Tài chính cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

4. Thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc

Thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch	4 tháng 8 năm 2007	-
Ông Phạm Minh Phúc	Phó Chủ tịch	4 tháng 8 năm 2007	-
Ông Đặng Minh Toàn	Thành viên	1 tháng 2 năm 2009	-
Ông Nguyễn Quốc Thái	Thành viên	29 tháng 3 năm 2008	1 tháng 2 năm 2009
Ông Trần Thanh Diệu	Thành viên	1 tháng 10 năm 2008	-
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	4 tháng 8 năm 2007	-

Thành viên của Ban Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

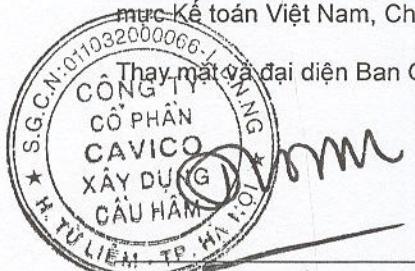
Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đặng Minh Toàn	Tổng Giám đốc	9 tháng 10 năm 2008	-
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Tổng Giám đốc	8 tháng 8 năm 2007	- 01 tháng 06 năm 2009
Ông Hà Văn Choang	Phó Tổng Giám đốc	9 tháng 10 năm 2008	-
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 4 năm 2008	10 tháng 1 năm 2010
Ông Chu Đình Thế	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 11 năm 2009	-
Ông Nguyễn Thành Long	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng	9 tháng 10 năm 2008	1 tháng 1 năm 2010
Ông Phương Văn Chí	Kế toán trưởng	19 tháng 11 năm 2009	-

5. Sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán

Ban Giám đốc Công ty xác định không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ khi kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

6. Xác nhận của Ban Giám đốc

Tôi, Đặng Minh Toàn, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm, đại diện cho Ban Giám đốc xác nhận rằng, theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày. Các báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

ĐẶNG MINH TOÀN
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 1 năm 2010



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 09-01-051

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán kèm theo của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, như được trình bày từ trang 4 đến trang 26. Các báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp nhận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và tiến hành kiểm toán nhằm có được cơ sở hợp lý để kết luận rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai phạm và sai sót trọng yếu. Quá trình kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng hỗ trợ cho các số liệu và giải trình trong các báo cáo tài chính. Quá trình kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán được sử dụng và các ước tính quan trọng do bộ phận quản lý thực hiện, cũng như cách trình bày báo cáo tài chính nói chung. Chúng tôi tin rằng quá trình kiểm toán đã cung cấp các cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, và kết quả kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Như được trình bày tại Thuyết minh 2, các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên lý và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các quốc gia và thể chế khác ngoài Việt Nam.



PHẠM THỊ HƯNG
Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0495/KTV

HÀ NỘI
Ngày 22 tháng 1 năm 2010

NGUYỄN TIÊN DŨNG
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên
Số: 0800/KTV

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Tài sản ngắn hạn	100		321.715.318.594	181.702.915.523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.374.695.402	3.585.040.870
1. Tiền	111	3	3.374.695.402	3.585.040.870
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.000.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	4	1.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		131.487.707.026	40.735.655.311
1. Phải thu khách hàng	131		128.157.274.938	31.442.874.765
2. Trả trước cho người bán	132		2.112.609.620	2.702.924.624
5. Các khoản phải thu khác	135	5	1.217.822.468	6.589.855.922
IV. Hàng tồn kho	140		168.912.622.868	126.151.827.163
1. Hàng tồn kho	141	6	168.912.622.868	126.151.827.163
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.940.293.298	11.230.392.179
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	7	7.085.638.927	4.148.162.618
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	9.854.654.371	7.082.229.561
B. Tài sản dài hạn	200		171.363.729.941	221.026.720.056
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		67.675.966.644	124.795.466.365
1. Phải thu khách hàng dài hạn	211		65.652.817.273	122.760.405.365
4. Phải thu dài hạn khác	214	9	2.023.149.371	2.035.061.000
II. Tài sản cố định	220		80.288.359.410	70.153.369.528
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.260.851.971	62.393.600.313
- Nguyên giá	222		130.969.412.534	116.376.450.039
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.708.560.563)	(53.982.849.726)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	11	5.330.772.938	3.727.388.234
- Nguyên giá	225		6.519.801.651	4.040.169.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1.189.028.713)	(312.781.136)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	8.696.734.501	4.032.380.981
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		17.537.990.000	15.033.994.500
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	13	11.177.990.000	8.673.994.500
3. Đầu tư dài hạn khác	258	14	6.360.000.000	6.360.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		5.861.413.887	11.043.889.663
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.617.795.237	10.271.997.772
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	-	325.450.291
3. Tài sản dài hạn khác	268	16	2.243.618.650	446.441.600
Tổng cộng tài sản	270		493.079.048.535	402.729.635.579

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Bảng Cân đối Kế toán

tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nguồn vốn	Mã số	Thuyết minh	31.12.2009	31.12.2008
A. Nợ phải trả	300		398.175.739.429	306.386.446.974
I. Nợ ngắn hạn	310		357.348.908.327	281.661.692.346
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	173.538.959.999	137.188.728.520
2. Phải trả người bán	312		83.043.637.262	48.051.313.431
3. Người mua trả tiền trước	313		35.635.137.893	60.693.869.680
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	37.234.609.509	20.372.686.365
5. Phải trả người lao động	315		17.309.325.069	12.878.711.023
6. Chi phí phải trả	316	19	437.018.071	332.626.961
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	20	9.997.859.300	2.143.756.366
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		152.361.224	-
II. Nợ dài hạn	330		40.826.831.102	24.724.754.628
3. Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn	333		17.120.212.969	2.205.762.892
4. Vay và nợ dài hạn	334	17	23.610.979.393	22.518.991.736
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		95.638.740	-
B. Vốn chủ sở hữu	400		94.903.309.106	96.343.188.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	94.903.309.106	96.343.188.605
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.266.162.224	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.633.081.112	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.004.065.770	26.343.188.605
Tổng cộng nguồn vốn	440		493.079.048.535	402.729.635.579

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 1 năm 2010





ĐẶNG MINH TOÀN
Tổng Giám đốc



PHƯƠNG VĂN CHÍ
Kế toán trưởng 

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	2009	2008
1. Doanh thu	01	22	341.888.009.425	286.900.741.107
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		341.888.009.425	286.900.741.107
4. Giá vốn hàng bán	11	23	(324.021.061.810)	(260.567.247.303)
5. Lợi nhuận gộp	20		17.866.947.615	26.333.493.804
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.669.195.524	686.471.885
7. Chi phí tài chính	22	25	(722.947.270)	(1.279.550.070)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	(449.854.562)
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	26	(10.691.461.665)	(9.176.017.683)
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		11.121.734.204	16.564.397.936
11. Thu nhập khác	31	27	3.308.191.006	17.171.867.507
12. Chi phí khác	32	28	(1.542.986.004)	(2.600.758.461)
13. Lợi nhuận khác	40		1.765.205.002	14.571.109.046
14. Lợi nhuận trước thuế	50		12.886.939.206	31.135.506.982
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	(2.968.287.302)	(5.130.146.150)
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	18	(325.450.291)	325.450.291
17. Lợi nhuận sau thuế	60		9.593.201.613	26.330.811.123
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.370	3.762

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 22 tháng 1 năm 2010

ĐẶNG MINH TOÀN
Tổng Giám đốc

PHƯƠNG VĂN CHÍ
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ (phương pháp gián tiếp)
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	2009	2008
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	12.886.939.206	31.135.506.982
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao và phân bổ	02	29.035.000.623	16.979.418.893
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	722.947.270	829.695.508
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.435.414.769)	(324.452.610)
Chi phí lãi vay	06	21.291.909.950	19.327.194.668
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	57.501.382.280	67.947.363.441
Thay đổi các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09	(36.404.976.804)	(62.497.915.817)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(42.760.795.705)	(8.219.707.614)
Thay đổi các khoản phải trả	11	44.737.794.493	(12.753.723.940)
Thay đổi chi phí trả trước	12	(2.937.476.309)	1.809.856.172
Tiền lãi vay đã trả	13	(21.291.909.950)	(19.327.194.668)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(194.174.732)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.480.719.888)	(378.893.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.636.701.883)	(33.614.390.158)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(35.751.809.608)	(39.248.428.418)
2. Thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định	22	3.205.063.833	2.271.081.126
3. Chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.000.000.000)	-
5. Chi góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.503.995.500)	(4.274.434.456)
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.669.195.524	654.129.945
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(31.381.545.751)	(40.597.651.803)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	232.879.600.544	198.894.029.272
4. Chi trả nợ gốc vay	34	(193.494.982.838)	(116.865.107.979)
5. Chi trả nợ thuê tài chính	35	(2.665.345.840)	(1.333.519.156)
6. Cổ tức lợi nhuận đã trả	36	(1.911.369.700)	(4.218.572.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	34.807.902.166	76.476.830.137
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(210.345.468)	2.264.788.176
Tiền tồn đầu năm	60	3.585.040.870	1.320.252.694
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61	-	-
Tiền tồn cuối năm	70	3.374.695.402	3.585.040.870

Thuyết minh Báo cáo Tài chính kèm theo là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính.



Ngày 22 tháng 1 năm 2010

ĐẶNG MINH TOÀN
Tổng Giám đốc

PHƯƠNG VĂN CHÍ
Kế toán trưởng

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư số 0032000066 ngày 8 tháng 8 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội cấp. Thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Công ty được chuyển đổi từ công ty TNHH Cavico Việt Nam Xây dựng Cầu Hàm được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 011043000144 ngày 8 tháng 6 năm 2007 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Giấy chứng nhận đầu tư của Công ty đã được sửa đổi như sau:

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh

Thay đổi lần 1 ngày 8 tháng 4 năm 2008
Thay đổi lần 2 ngày 3 tháng 11 năm 2008
Thay đổi lần 3 ngày 20 tháng 8 năm 2009

Nội dung điều chỉnh

Chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập
Thay đổi người đại diện theo pháp luật
Thay đổi chức danh người đại diện theo pháp luật

Vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty ghi trên Giấy chứng nhận đầu tư cùng là 70 tỷ đồng.

Trụ sở hoạt động của Công ty đặt tại toà nhà CT4, Khu đô thị mới Mỹ Đình - Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ xây dựng công trình giao thông, thủy điện, thủy lợi;
- Dịch vụ xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Dịch vụ bốc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ xây lắp các công trình điện đến 110KV.

Trong năm 2009, hoạt động chủ yếu của Công ty là thi công xây dựng các công trình giao thông, thủy điện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có 714 nhân viên (2008: 643 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Cơ sở lập báo cáo

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Các nguyên tắc này bao gồm các quy định tại các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam. Do đó, bảng cân đối kế toán và các báo cáo liên quan về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ và việc sử dụng chúng không được lập cho những người không được thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và phương pháp kế toán của Việt Nam, và hơn nữa, không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ, phù hợp với các nguyên tắc và phương pháp kế toán được thừa nhận chung ở các nước và thể chế khác ngoài Việt Nam.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.3. Áp dụng Luật kế toán và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam

a) Luật Kế toán

Trong năm, Công ty đã tuân thủ Luật Kế toán ban hành ngày 17 tháng 6 năm 2003 và Nghị định kèm theo số 129/2004/NĐ-CP ban hành ngày 31 tháng 5 năm 2004 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong hoạt động kinh doanh.

b) Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

Trong năm, Công ty đã áp dụng Chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, và trong phạm vi liên quan, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện.

2.4. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Tiền mặt là khoản tồn quỹ tại Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính và có sự kiểm kê đối chiếu với sổ tiền này với sổ quỹ tiền mặt.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được đối chiếu sổ dư với các ngân hàng này tại ngày kết thúc năm tài chính.

b) Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại ngày kết thúc năm tài chính.

c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng công bố tại thời điểm cuối năm tài chính.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện và đã thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi trừ đi dự phòng các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá của Ban Giám đốc về các khoản nợ không có khả năng thu hồi.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo:

- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Nếu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho, bao gồm sản phẩm dở dang, được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được, sau khi lập dự phòng cho các loại hàng hư hỏng, lỗi thời. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ hoạt động xây lắp được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Chi phí SXKD dở} & & \text{Giá vốn ghi nhận} \\ \text{dang cuối kỳ từng} & = & \text{dang đầu kỳ từng} & + & \text{dang phát sinh trong} & - & \text{trong kỳ của từng} \\ \text{công trình} & & \text{công trình} & & \text{kỳ từng công trình} & & \text{công trình} \end{array}$$

Trong đó:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá vốn} & & \text{Chi phí SXKD} & & \text{Chi phí SXKD phát sinh} & & \text{Doanh thu} \\ \text{từng công} & = & \text{Dở dang đầu kỳ} & + & \text{trong kỳ} & \times & \text{ghi nhận} \\ \text{trình} & & \text{Giá trị sản lượng thực hiện} & + & \text{Giá trị sản lượng thực} & & \text{trong kỳ} \\ & & \text{dở dang đầu kỳ (không bao} & & \text{hiện trong kỳ (không} & & \\ & & \text{gồm thuế GTGT)} & & \text{bao gồm thuế GTGT)} & & \end{array}$$

2.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không được sử dụng nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế trực thu và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng, như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, thường được hạch toán vào hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt quá tiêu chuẩn hoạt động đánh giá ban đầu của tài sản, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.8. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài chính là giao dịch thuê mà qua đó Công ty nhận phần lớn các rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm dưới hình thức thuê tài chính được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm thuê.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản cố định thuê tài chính được áp dụng nhất quán với tài sản cố định hữu hình.

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh giá trị nhà xưởng và máy móc thiết bị chưa được hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt và được thể hiện theo nguyên giá. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được trích khấu hao cho tới khi các tài sản đó hoàn thành và được đưa vào sử dụng.

2.10. Các khoản đầu tư

a) Các khoản đầu tư ngắn hạn

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phiếu, công trái, chứng khoán niêm yết có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành tiền và có thời gian đầu tư dự kiến không quá một năm. Giá trị các khoản đầu tư ngắn hạn này được xác định theo giá mua thực tế.

b) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản lợi nhuận được phân phối từ lợi nhuận lũy kế của các công ty con và công ty liên kết sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

c) Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện cho từng khoản đầu tư và từng loại chứng khoán thuộc sở hữu của Công ty.

2.11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm:

- (a) Lãi tiền vay ngắn hạn, lãi tiền vay dài hạn, kể cả lãi tiền vay trên các khoản thấu chi;
- (b) Phần phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội phát sinh liên quan đến những khoản vay do phát hành trái phiếu;
- (c) Phần phân bổ các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;
- (d) Chi phí tài chính của tài sản thuê tài chính.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó). Chi phí đi vay được vốn hóa khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí đi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Tài sản dở dang là tài sản đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tài sản đang trong quá trình sản xuất cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán.

2.12. Chi phí chờ phân bổ và chi phí trả trước dài hạn

Chi phí chờ phân bổ được trình bày ở khoản mục chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản mục này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến được tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian từ 1,5 đến 5 năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng với giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh quá lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

2.13. Các khoản phải trả người bán

Các khoản phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả cho nhà cung cấp tài sản, vật tư, hàng hóa, dịch vụ... được theo dõi chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Trong trường hợp vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa có hóa đơn thì kế toán sử dụng giá tạm tính để ghi sổ trị giá các khoản phải trả và hàng nhập chưa có hóa đơn này. Sau đó kế toán thực hiện điều chỉnh theo giá thực tế khi đã có hóa đơn.

Các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán của người bán được hạch toán tương ứng với khoản phải trả có liên quan để ghi giảm số nợ phải trả phát sinh ban đầu.

2.14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính bao gồm thuế thu nhập phải trả trong năm và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành thể hiện số thuế phải nộp trong năm tài chính theo thuế suất được áp dụng vào ngày kết thúc năm tài chính và bất kỳ bút toán điều chỉnh đối với số thuế phải nộp của năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định theo phương pháp ghi nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán dựa trên số chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế của tài sản và công nợ với giá trị sổ sách của các khoản mục này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự kiến sẽ áp dụng trong năm tài chính mà tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả dựa trên mức thuế suất có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ thuế chưa sử dụng trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và số lỗ tính thuế chưa sử dụng đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét vào ngày kết thúc năm tài chính và được giảm đến mức chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép sử dụng một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.15. Nguồn vốn chủ sở hữu

a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận trên thực tế vốn góp.

b) Ghi nhận cổ tức

Các cổ tức trả cho các cổ phiếu ưu đãi phải hoàn trả được ghi nhận là một khoản nợ phải trả trên cơ sở dồn tích. Các cổ tức khác được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

c) Nguyên tắc trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế

Các quỹ của Công ty được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo quy chế tài chính đã được Hội đồng Quản trị thông qua ngày 2 tháng 7 năm 2009 như sau:

▪ Quỹ khen thưởng	5%
▪ Quỹ phúc lợi	5%
▪ Quỹ đầu tư phát triển	20%
▪ Quỹ dự phòng tài chính	10%
▪ Chia cổ tức cổ đông	12%

2.16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm của số giờ công lao động phát sinh cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán trên tổng số giờ công lao động ước tính cho mỗi hợp đồng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được các chi phí đã được ghi nhận.

c) Tiền lãi, bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia

Tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch tương ứng và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.17. Hợp đồng xây dựng

a) *Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- (i) Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng; và
- (ii) Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Căn cứ để xác định doanh thu từ hợp đồng xây dựng là khối lượng công việc hoàn thành theo công trình hoặc hạng mục công trình và đơn giá hợp đồng mới nhất được duyệt. Khối lượng công việc hoàn thành là khối lượng đã được chủ đầu tư hoặc đại diện chủ đầu tư xác nhận thông qua Biên bản nghiệm thu khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp giá trị thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoặc Bảng tổng hợp khối lượng xây lắp hoàn thành v.v...

b) *Chi phí của hợp đồng xây dựng bao gồm:*

- (i) Chi phí liên quan trực tiếp đến từng hợp đồng;
- (ii) Chi phí chung liên quan đến hoạt động của các hợp đồng và có thể phân bổ cho từng hợp đồng cụ thể (bao gồm cả chi phí đi vay nếu thỏa mãn các điều kiện chi phí đi vay được vốn hóa theo quy định);
- (iii) Các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng.

c) *Ghi nhận doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng:*

- (i) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính.
- (ii) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ.
- (iii) Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

2.19. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

2.20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

2.21. Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong các mẫu báo cáo của Hệ thống Kế toán Việt Nam không thể hiện trên các báo cáo tài chính thì được hiểu là có số dư bằng không.

2.22. Phân loại lại

Một số tài khoản trong báo cáo tài chính năm trước được phân loại lại cho phù hợp với sự trình bày của báo cáo tài chính năm nay. Cụ thể như sau: 2.035.061.000 đồng được phân loại từ phải thu ngắn hạn sang dài hạn do Công ty cho cán bộ công nhân viên vay dài hạn không lãi suất và một số khoản khác có thời hạn dài trên 1 năm. 2.205.762.892 đồng được phân loại từ phải trả khác ngắn hạn sang phải trả khác dài hạn do thời hạn đáo hạn khoản phải trả này là năm 2013.

3. Tiền

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tiền mặt	368.038.663	2.419.680.006
Tiền gửi ngân hàng	3.006.656.739	1.165.360.864
	3.374.695.402	3.585.040.870

4. Đầu tư ngắn hạn

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
<i>Cho vay ngắn hạn</i>		
Văn phòng đại diện Cavico Corp Inc	1.000.000.000	-
	1.000.000.000	-

5. Các khoản phải thu khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Phạm Thanh Liêm	182.878.000	-
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	180.000.000	1.204.854.839
Trần Thị Thanh Hà	136.000.000	-
Tạ Đức Hải	105.031.079	-
Văn phòng đại diện Cavico Corp Inc	84.833.333	-
Nguyễn Văn Anh	82.080.481	82.080.481
Phan Văn Hiếu	69.200.000	69.200.000
Khác	377.799.575	5.233.720.602
	1.217.822.468	6.589.855.922

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

6. Hàng tồn kho

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Hàng mua đang đi trên đường	7.134.861.668	3.234.522.174
Nguyên liệu, vật liệu	16.214.662.322	15.602.992.824
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	145.563.098.878	107.314.312.165
	168.912.622.868	126.151.827.163

Bao gồm trong chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 có 33.917.056.699 đồng là giá trị sản xuất, kinh doanh dở dang của các dự án Đại Ninh Đức Trọng và Đại Ninh Bắc Bình. Các dự án này đã được nghiệm thu và đang trong giai đoạn quyết toán với chủ đầu tư. Giá trị dở dang được giữ lại và sẽ kết chuyển vào giá vốn khi có quyết định phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng	Phân bổ	Số dư cuối năm
Công cụ, dụng cụ	1.293.964.814	13.590.724.707	(12.075.373.541)	2.809.315.980
Phụ tùng thay thế	1.383.908.870	5.175.084.067	(5.178.448.166)	1.380.544.771
Chi phí trả trước khác	1.470.288.934	19.081.258.684	(17.655.769.442)	2.895.778.176
	4.148.162.618	37.847.067.458	(34.909.591.149)	7.085.638.927

8. Tài sản ngắn hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Tài sản thiếu chờ xử lý	626.362.284	-
Tạm ứng	9.196.592.087	6.842.540.954
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	31.700.000	239.688.607
	9.854.654.371	7.082.229.561

9. Phải thu dài hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Bùi Quảng Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
Nguyễn Hữu Trung	647.172.419	697.172.419
Công ty cho thuê tài chính ngân hàng Công thương	205.897.172	167.808.801
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình ngầm	170.079.780	170.079.780
	2.023.149.371	2.035.061.000

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

10. Tài sản cố định hữu hình

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	110.913.861.208	4.479.286.349	983.302.482	116.376.450.039
Tăng trong năm	25.128.326.872	749.402.819	199.431.180	26.077.160.871
<i>Trong đó:</i>				
Mua mới	25.128.326.872	749.402.819	199.431.180	26.077.160.871
Giảm trong năm	(11.202.418.404)	(71.161.502)	(210.618.470)	(11.484.198.376)
<i>Trong đó:</i>				
Thanh lý, nhượng bán	(6.775.302.154)	(71.161.502)	(210.618.470)	(7.057.082.126)
Điều chuyển	(4.427.116.250)	-	-	(4.427.116.250)
Số dư cuối năm	124.839.769.676	5.157.527.666	972.115.192	130.969.412.534
Giá trị hao mòn				
Số dư đầu năm	50.708.493.710	2.530.172.530	744.183.486	53.982.849.726
Tăng trong năm	17.133.301.432	879.243.182	173.952.210	18.186.496.824
Giảm trong năm	(7.193.808.778)	(61.240.168)	(205.737.041)	(7.460.785.987)
<i>Trong đó:</i>				
Thanh lý, nhượng bán	(5.351.260.329)	(61.240.168)	(205.737.041)	(5.618.237.538)
Điều chuyển	(1.842.548.449)	-	-	(1.842.548.449)
Số dư cuối năm	60.647.986.364	3.348.175.544	712.398.655	64.708.560.563
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	60.205.367.498	1.949.113.819	239.118.996	62.393.600.313
Số dư cuối năm	64.191.783.312	1.809.352.122	259.716.537	66.260.851.971

- Giá trị còn lại của số tài sản cố định hữu hình được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay Công ty nhận được là khoảng 36 tỷ đồng.
- Nguyên giá của số tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn đang được sử dụng là khoảng 14 tỷ đồng.

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Nội dung	Máy móc và thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	4.040.169.370	4.040.169.370
Tăng trong năm	2.479.632.281	2.479.632.281
Số dư cuối năm	6.519.801.651	6.519.801.651
Giá trị hao mòn		
Số dư đầu năm	312.781.136	312.781.136
Khấu hao trong năm	876.247.577	876.247.577
Số dư cuối năm	1.189.028.713	1.189.028.713
Giá trị còn lại		
Số dư đầu năm	3.727.388.234	3.727.388.234
Số dư cuối năm	5.330.772.938	5.330.772.938

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Nội dung	Số dư đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số dư cuối năm
Sửa chữa máy móc, thiết bị	-	9.336.083.086	(639.348.585)	8.696.734.501
Mua sắm tài sản	4.032.380.981	6.260.339.614	(10.292.720.595)	-
	4.032.380.981	15.596.422.700	(10.932.069.180)	8.696.734.501

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Tỷ lệ sở hữu	31.12.2009		31.12.2008	
		Số lượng	Giá trị đầu tư	Số lượng	Giá trị đầu tư
Công ty CP Cavico Khoáng sản và Công nghiệp	30,3%	722.799	7.227.990.000	687.399	6.873.994.500
Công ty CP Cavico Cung ứng Nhân lực	39,5%	395.000	3.950.000.000	180.000	1.800.000.000
			11.177.990.000		8.673.994.500

14. Đầu tư dài hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Công ty Cổ Phần Cavico Xây dựng Thủy điện	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Xi Măng Mai Sơn	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Công nghiệp	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên	960.000.000	960.000.000
Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển Địa ốc	400.000.000	400.000.000
	6.360.000.000	6.360.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số dư cuối năm
Công cụ dụng cụ	734.003.370	1.093.075.212	(770.925.904)	1.056.152.678
Phụ tùng thay thế	1.028.530.568	1.114.778.736	(1.036.258.835)	1.107.050.469
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng	1.557.345.053	693.263.935	(1.073.974.100)	1.176.634.888
Chi phí khác	6.952.118.781	416.935.804	(7.091.097.383)	277.957.202
	10.271.997.772	3.318.053.687	(9.972.256.222)	3.617.795.237

16. Tài sản dài hạn khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.243.618.650	446.441.600
	2.243.618.650	446.441.600

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17. Vay và nợ

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Vay ngắn hạn	158.945.153.911	130.334.460.104
Vay ngân hàng	153.573.822.911	125.861.307.104
Vay các bên liên quan	2.950.000.000	-
Vay các đối tượng khác	2.421.331.000	4.473.153.000
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	14.593.806.088	6.854.268.416
Vay ngân hàng	13.538.249.600	6.025.687.600
Nợ dài hạn	1.055.556.488	828.580.816
Vay và nợ dài hạn	23.610.979.393	22.518.991.736
Vay ngân hàng	20.636.600.877	20.396.570.599
Nợ dài hạn	2.974.378.516	2.122.421.137
	197.149.939.392	159.707.720.256

17.1 Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Nội dung	Kỳ hạn vay (tháng)	Thời hạn trả nợ	Lãi suất (%/tháng)	Hình thức Đảm bảo	Số dư 31.12.2009
Vay ngắn hạn					158.945.153.911
Vay ngân hàng					153.573.822.911
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai	7-10	9/1 đến 30/6/2010	0,875%	Tài sản	67.559.961.575
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Bắc Hà Nội	10-12	27/1 đến 29/10/2010	0,875-1%	Tài sản	56.869.017.386
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Từ Liêm	10-11	20/1 đến 31/10/2010	0,875%	Tài sản	29.144.843.950
Vay các bên liên quan					2.950.000.000
Công ty CP Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	2.950.000.000
Vay các đối tượng khác					2.421.331.000
Bùi Xuân Thìn	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	17.000.000
Lâm Ngọc Tú	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	13.000.000
Lê Doãn Trường	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	4.500.000
Nguyễn Ngọc Tú	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	69.153.000
Nguyễn Thị Thanh Oanh	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	1.929.000.000
Trần Hữu Thành	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	53.678.000
Võ Thị Tuyết	12	31/12/2010	0,875%	Tín chấp	335.000.000
Vay dài hạn					38.204.785.481
Vay ngân hàng					34.174.850.477
Ngân hàng NN&PTNT - Chi nhánh Hoàng Mai	60	07/09/2012	Theo thị trường	Tài sản	32.933.188.677
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	36	03/04/2012	Theo thị trường	Tài sản	1.241.661.800
Nợ dài hạn					4.029.935.004
Công ty cho thuê tài chính NHCT Việt Nam	48	23/09/2013	Theo thị trường	Tài sản	4.029.935.004
					197.149.939.392

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

17.2 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê 2 xe ô tô, 1 máy đào, 1 búa phá đá thủy lực và 2 xe trộn bê tông theo các hợp đồng thuê tài chính số 159, 160 ngày 30 tháng 5 năm 2008, số 197, 198 ngày 7 tháng 8 năm 2008, số 92 ngày 20 tháng 7 năm 2009 và 137 ngày 20 tháng 9 năm 2009. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính như sau:

	31.12.2009	31.12.2008
Trong vòng 1 năm	1.343.312.289	1.242.777.495
Từ 1 năm đến 3 năm	3.027.287.212	2.070.021.998
Sau 3 năm	389.623.538	597.002.314
Tổng cộng công nợ thuê tài chính tối thiểu	4.760.223.039	3.909.801.807
Chi phí lãi	(730.288.035)	(958.799.854)
Giá trị hiện tại của công nợ thuê tối thiểu	4.029.935.004	2.951.001.953

Thể hiện công nợ thuê tài chính:

- Ngắn hạn	1.055.556.488	828.580.816
- Dài hạn	2.974.378.516	2.122.421.137

18. Tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước

Nội dung	Số dư đầu năm	Tăng	Giảm	Số dư Cuối năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ				
Thuế giá trị gia tăng đầu vào	- 16.677.647.263	(16.677.647.263)		-
	- 16.677.647.263	(16.677.647.263)		-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.935.092.801	31.049.160.252	(17.244.028.410)	26.740.224.643
Thuế nhập khẩu	-	196.188.804	(196.188.804)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.392.620.564	2.968.287.302	-	10.360.907.866
Thuế thu nhập cá nhân	44.973.000	88.504.000	-	133.477.000
Các loại thuế khác	-	16.929.405	(16.929.405)	-
	20.372.686.365	34.319.069.763	(17.457.146.619)	37.234.609.509

18.1 Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật hiện hành.

18.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận thuần trước thuế	12.886.939.206	31.135.506.982
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận		
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại tỷ giá	-	829.695.508
Các khoản trích trước	-	332.626.961
Các khoản điều chỉnh được giảm trừ sau quyết toán	-	(13.975.878.916)
Trả lương Hội đồng Quản trị bằng nguồn lợi nhuận sau thuế	588.000.000	-
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.601.790.000)	-
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	11.873.149.206	18.321.950.535
Lỗ năm trước chuyển sang	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	11.873.149.206	18.321.950.535
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính	2.968.287.302	5.130.146.150
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả đầu năm	7.392.620.564	10.127.700.590
Điều chỉnh thuế TNDN trích thừa năm trước	-	(7.671.051.443)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong năm	-	(194.174.733)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả cuối năm	10.360.907.866	7.392.620.564

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Số dư đầu kỳ	325.450.291	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	325.450.291
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ năm trước	(325.450.291)	-
Số dư cuối kỳ	-	325.450.291

18.3 Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

19. Chi phí phải trả

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Phí kiểm toán	130.000.000	80.000.000
Các khoản khác	307.018.071	252.626.961
	437.018.071	332.626.961

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

20. Các khoản phải trả, phải nộp khác

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Bảo hiểm xã hội	993.319.742	974.318.516
Kinh phí công đoàn	472.684.396	444.988.646
Cổ tức phải trả	6.488.630.300	-
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài nguyên	387.090.000	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Thủy điện	387.090.000	-
Công ty TNHH Thương mại Nhi Phong	196.260.525	-
Văn phòng Hà nội	168.688.945	178.420.945
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy công Sông Cầu	109.550.579	93.022.600
Công ty Cổ phần Công nghệ phẩm Đà Nẵng	92.725.000	18.199.747
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	81.187.137	81.187.137
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	620.632.676	353.618.775
	9.997.859.300	2.143.756.366

21. Vốn chủ sở hữu

21.1 Tình hình biến động nguồn vốn chủ sở hữu trong năm như sau

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư 1.1.2008	70.000.000.000	-	-	4.230.949.482	74.230.949.482
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	26.330.811.123	26.330.811.123
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(4.218.572.000)	(4.218.572.000)
Số dư 31.12.2008	70.000.000.000	-	-	26.343.188.605	96.343.188.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	9.593.201.613	9.593.201.613
Trích lập các quỹ	-	5.266.162.224	2.633.081.112	(10.532.324.448)	(2.633.081.112)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	(8.400.000.000)	(8.400.000.000)
Số dư 31.12.2009	70.000.000.000	5.266.162.224	2.633.081.112	17.004.065.770	94.903.309.106

21.2 Tình hình biến động vốn cổ phần trong năm như sau

Nội dung	2009	2008
Vốn cổ phần đầu năm	70.000.000.000	70.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm	-	-
Vốn cổ phần cuối năm	70.000.000.000	70.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã tạm chia	8.400.000.000	4.218.572.000

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính
cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)
Đơn vị tính: đồng Việt Nam

21.3 Cổ phiếu

Nội dung	31.12.2009	31.12.2008
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu thường	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
Cổ phiếu thường	7.000.000	7.000.000

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

22. Doanh thu

Nội dung	2009	2008
Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	294.418.464.730	254.017.920.364
Doanh thu thầu phụ nước ngoài	23.957.506.037	30.208.688.078
Doanh thu bán vật tư, hàng hóa	21.605.321.565	2.153.107.822
Doanh thu cho thuê máy móc thiết bị	1.906.717.093	521.024.843
	341.888.009.425	286.900.741.107

23. Giá vốn hàng bán

Nội dung	2009	2008
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	279.661.772.797	228.958.934.945
Hoạt động thầu phụ nước ngoài	21.348.757.786	29.443.794.940
Giá vốn của vật tư đã bán	21.825.794.527	1.802.948.872
Hoạt động cho thuê máy móc thiết bị	1.184.736.700	361.568.546
	324.021.061.810	260.567.247.303

24. Doanh thu hoạt động tài chính

Nội dung	2009	2008
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.067.405.524	349.357.375
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	32.341.940
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.601.790.000	-
Lãi trả chậm	-	304.772.570
	4.669.195.524	686.471.885

25. Chi phí tài chính

Nội dung	2009	2008
Lãi tiền vay	-	449.854.562
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	722.947.270	829.695.508
	722.947.270	1.279.550.070

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Nội dung	2009	2008
Chi phí nhân viên quản lý	4.811.254.431	3.738.954.507
Chi phí đồ dùng văn phòng	71.176.100	162.796.164
Chi phí khấu hao và phân bổ	407.257.052	356.647.765
Thuế, phí và lệ phí	492.224.361	9.249.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.463.679.723	2.231.033.548
Chi phí khác	2.445.869.998	2.677.336.699
	10.691.461.665	9.176.017.683

27. Thu nhập khác

Nội dung	2009	2008
Thanh lý tài sản cố định	3.205.063.833	2.876.741.391
Thuế TNDN trích thừa của năm 2006 và 2007	-	13.975.878.916
Thu nhập khác	103.127.173	319.247.200
	3.308.191.006	17.171.867.507

28. Chi phí khác

Nội dung	2009	2008
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	1.438.844.588	2.600.758.461
Chi phí khác	104.141.416	-
	1.542.986.004	2.600.758.461

29. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Nội dung	2009	2008
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông phổ thông		
- Lợi nhuận thuần trong năm	9.593.201.613	26.330.811.123
- Cổ tức chia cho cổ phần ưu đãi	-	-
Lợi nhuận thuần chia cho cổ đông phổ thông	9.593.201.613	26.330.811.123
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân trong năm		
- Số lượng cổ phiếu đầu năm	7.000.000	7.000.000
- Số lượng cổ phiếu bình quân phát hành trong năm	-	-
- Số lượng cổ phiếu bình quân mua lại trong năm	-	-
Số lượng cổ phiếu bình quân trong năm	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.370	3.762

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hàm

Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

30. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

30.1 Trong năm, các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Giá trị
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ	Công ty liên kết	Góp vốn	2.150.000.000
		Nhận cổ tức	1.481.790.000
		Bán TSCĐ	1.227.669.469
		Vay	(10.210.000.000)
		Sử dụng dịch vụ cung ứng nhân lực	(20.440.298.417)
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản & Công nghiệp	Công ty liên kết	Góp vốn	353.995.500
		Cho vay	630.000.000
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	Phí quản lý	2.595.052.658
		Cho vay	180.000.000
		Cung cấp dịch vụ xây lắp	176.042.457.794
Văn phòng đại diện Cavico Corp Inc	Công ty liên kết	Cho vay	1.000.000.000

30.2 Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Phải thu/(Phải trả)
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	Dịch vụ xây lắp	153.320.988.156
Phải thu khác			
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	Công ty mẹ	Cho vay	261.187.137
Văn phòng đại diện Cavico Corp. Inc	Công ty liên kết	Cho vay	1.084.833.333
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Cavico Thương mại Xây dựng	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(9.505.267.701)
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ	Công ty liên kết	Thầu phụ xây lắp	(5.218.023.434)
Công ty Cổ phần Cavico Khoáng sản & Công nghiệp	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	(744.709.311)
Vay			
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ	Công ty liên kết	Vay ngắn hạn	(2.950.000.000)

Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu Hầm

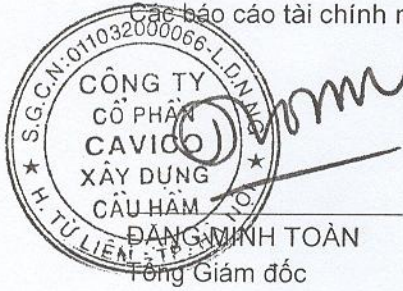
Thuyết minh Báo cáo Tài chính

cho năm kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

31. Phê chuẩn báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính này được phê chuẩn để phát hành ngày 22 tháng 1 năm 2010.




PHƯƠNG VĂN CHÍ
Kế toán trưởng